

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-03-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Nguyễn Tất Bấy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Dy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 5 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị H** - Sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện LN, Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Chu Văn D**, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện LN, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2020 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Triệu Thị H, bị đơn anh Chu Văn D trình bày thì nội Dung vụ án tóm tắt như sau:

Chị Triệu Thị H và anh Chu Văn D kết hôn với nhau vào ngày 25/03/2015, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện LN, Bắc Giang. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có Hạnh phúc đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Từ năm 2018 chị H cùng con về nhà bố mẹ để sinh sống, chị H và anh D sống ly thân từ đó đến nay. Đến Nay chị H xác định cuộc sống giữa chị và anh D có mâu thuẫn không còn tình cảm gì. Chị H đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh D. Anh D xác định có mâu thuẫn vợ chồng với chị H, tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H vẫn còn. Do vậy chị H xin ly hôn anh chưa đồng ý.

Về con chung: Chị H anh D có một con chung là cháu Chu Việt A, sinh ngày 22/02/2016. Hiện con chung đang ở cùng chị H từ năm 2018 đến nay. Khi ly hôn chị H anh D đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, và đều không yêu cầu tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chu Văn D, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Anh Chu Văn D vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Chu Văn D, anh không đồng ý ly hôn với chị H, trường hợp ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, chị H anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147,

Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Chu Văn D.

Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Việt Anh, sinh ngày 22/02/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Triệu Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Chu Văn D; anh D có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn D, xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, anh Chu Văn D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh Chu Văn D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Chu Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 03 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H anh D có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh D là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị H anh D có 01 con chung là cháu Chu Việt A, sinh ngày 22/02/2016. Khi ly hôn chị H anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Chu Việt A. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị H anh D thì thấy: Từ khi ly thân năm 2018 đến nay chị H đã là người nuôi dưỡng con chung, hiện nay con chung là cháu Chu Việt A phát triển khỏe mạnh có chỗ ở ổn định. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung cần giao cho chị Triệu Thị H nuôi dưỡng cháu Chu Việt Anh là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Triệu Thị H, anh Chu Văn D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị H: Cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Chu Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Triệu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Chu Việt Anh, sinh ngày 22/02/2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Chu Văn D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản anh D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001612 ngày 12/10/2020. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã B, huyện LN, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đã ký

Nguyễn Đức Như